Ngày soạn: 08/10/2024 Tiết theo KHGD: 15,16,17

**TÊN BÀI DẠY: QUAN HỆ CHIA HẾT. TÍNH CHẤT CHIA HẾT**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

-Hiểu được các khái niệm cơ bản về chia hết: chia hết cho, ước và bội.

- Biết dùng kí hiệu chia hết, không chia hết.

- Biết kiểm tra một số có chia hết cho một số hay không.

- Biết tìm bội, ước của một số cho trước.

- Nắm được tính chất chia hết của một tổng, một hiệu, một tích và vận dụng trong một số bài toán thực tế đơn giản**.**

**\*HSKT:** Nhận biết được các phép tính chia hết và không chia hết

**2. Về năng lực:**

a) *Năng lực chung*:

- Năng lực tư duy :HS tích cực thực hiện các nhiệm vụ ở phần khởi động khi GV đưa ra tình huống vào bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS tìm hiểu về khái niệm về chia hết và tính chất chia hết của một tổng, một hiệu, một tích.

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tìm bội và ước của một số, giải các bài tập phần vận dụng.

b) *Năng lực đặc thù:*

- Năng lực sử dụng các phép toán: HS sử dụng các phép tính chia, tìm ước và bội.

-Năng lực vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn: HS liên hệ thực tiễn giải bài toán liên quan đời sống thức tiễn.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ toán: Học sinh sử dụng kí hiệu và ngôn ngữ diễn đạt cho các quan hệ chia hết và không chia hiết, bội và ước, sử dụng kí hiệu chia hết và không chia hết.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, chăm làm: Rèn HS có tinh thần tự học, tự làm các bài toán mà cô giáo đưa ra kể cả hoạt động các nhân và hoạt động nhóm.

- Nhân ái: Chia sẻ các kiến thức của mình còn nhớ, biết cho các bạn, sẵn sàng học hỏi các kiến thức mình chưa biết từ các bạn, thầy cô.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.** GV:SGK, SGV, máy chiếu.

**2.** HS: Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán 6

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Hoạt động Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** HS hứng thú, muốn tìm hiểu về quan hệ chia hết và ước và bội.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên máy chiếu

**c) Sản phẩm:** Từ hình ảnh quan sát được học sinh thảo luận đưa ra đáp án

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** ( Máy chiếu)

Lớp 6A có 6 tổ học sinh. Để tổ chức liên hoan cho lớp, cô Ngân đã mua 42 chiếc bánh ngọt và 45 quả quýt. Cô Ngân có thể chia đều số bánh ngọt cho 6 tổ được không? Cô Ngân có thể chia đều số quả quýt cho 6 tổ được không?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Quan hệ chia hết, ước và bội là như thế nào?”

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.**

**Hoạt động 1: Quan hệ chia hết. Khái niệm về chia hết.**

**a) Mục tiêu:** HS nhận biết được các nội dung kiến thức về quan hệ chia hết.

(2) Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Đặt và giải quyết vấn đề. Thuyết trình, đàm thoại. Kỉ thuật tia chớp. vấn đáp. đọc và nghiên cứu tài liệu kĩ thuật động não.

(3) Hình thức tổ chức hoạt động: cá nhân, thảo luận nhóm, chia sẻ nhóm đôi, Cả lớp cùng học tập, nghiên cứu cả lớp

(4) Phương tiện dạy học: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, compa, êke

(5) Sản phẩm: Sử dụng đúng kí hiệu chia hết và không chia hết

NLHT: NL sử dụng ngôn ngữ: kí hiệu

**b) Nội dung:** HS làm bài 1, bài 2, bài 3 và bài 4 và đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

+ HS biết kí hiệu  và 

+ HS chỉ được bội và ước của một số.

+ HS Sử dụng kí hiệu và ngôn ngữ diễn đạt cho các quan hệ chia hết, bội và ước.

+ Sử dụng đúng kí hiệu chia hết và không chia hết.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bài 1**:  a) Thực hiện phép chia 42 : 6 và 45 : 6  b) Trong hai phép chia trên, phép chia nào là phép chia hết, phép chia nào là phép chia có dư?  **Bài 2: a)** Số 32 chia hết cho những số nào sau đây**: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 8; 16; 31; 32; 0.**  **b)** Số nào chia hết cho 8 trong các số sau**: 0; 32; 26; 48.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thảo luận cặp đôi nói cho nhau nghe.  + GV: Quan sát và trợ giúp các nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa kết quả.  GV: ? a chia hết cho b khi nào?  HS: Trả lời  GV: - Đưa ra kí hiệu chia hết và không chia hết.  - Đưa ra khái niệm ước và bội.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Viết ngày và tháng sinh của em, dưới dạng ngày a, tháng b. Chỉ ra một ước của a và hai bội của b  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thảo luận cặp đôi nói cho nhau nghe.  + GV: Quan sát và trợ giúp các nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa kết quả.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Bài 3**: a) Chỉ ra hai bội của 7  b) Chỉ ra hai ước của 7  **Bài 4:** Với a là số tự nhiên thì  a) a có là ước của a không?  b) a có là bội của a không?  c) 1 có là ước của a không?  d) 0 có là bội của a không?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thảo luận nhóm.  + GV: Quan sát và trợ giúp các nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Từng nhóm báo cáo, nhóm khác lắng nghe, ghi chú.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV chính xác hóa kết quả. | **I. Quan hệ chia hết**  **1. Khái niệm về chia hết.**  **Ví dụ:**  42 : 6 = 7 hay 42 = 6.7 nên 42 chia hết cho 6  45 : 6 = 7 dư 3 nên 45 không chia hết cho 6  **Ký hiệu:**  a chia hết cho b là: a b  a không chia hết cho b là: ab  **Vậy:** Cho hai số tự nhiên a và b (b  0).  Nếu có số tự nhiên q sao cho  a = b.q (b  0) thì ta nói a chia hết cho b.  Khi a chia hết cho b, ta nói a là bội của b và b là ước của a.  **\* Với a là số tự nhiên khác 0 thì:**  a là ước của a ; a là bội của a  1 là ước của a ; 0 là bội của a. |

**Hoạt động 2: Cách tìm bội và ước của một số**

**a) Mục đích:** HS trình bày được cách tìm ước và bội của một số.

**b) Nội dung:** HS làm bài 5, bài 6 và ? 2SGK/31, đọc nội dung SGK, nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm: +** Xác định được số nào là ước, số nào là bội.

+ Kết quả hoạt động của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bài 5:** a) Thực hiện các phép tính: 9.0; 9.1; 9.2; 9.3;.9.4; 9.5; 9.6; 9.7; 9.8; 9.9.  b) Chỉ ra bẩy bội của 9  **Bài 6:** a) Thực hiện phép tính: 12: 12; 12: 11; 12: 9; 12:6; 12: 5; 12: 4; 12:3; 12:2; 12:1  b) Chỉ ra các ước của 12.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS hoạt động nhóm sau đó rút ra nhận xét.  + GV: Quan sát và trợ giúp các em.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Nêu nhận xét.  + Các hs khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác nhận xét  GV: Yêu cầu HS trả lời hai câu hỏi sau:  Từ bài 5 để tìm các bội của 9 ta có thể làm như thế nào?  Vậy để tìm bội của một số khác 0 ta làm như thế nào?  HS: Trả lời  GV: Yêu cầu HS làm ?2(SGK/31)  HS: Thảo luận nhóm đôi và nêu kết quả sau ít phút.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bài 6:** a) Điền số thích hợp vào dấu “?”  8: 1 = ?; 8: 5 = ? dư?;  8: 2 = ?; 8 : 6 = ? dư ?;  8 : 3 = ? dư ?; 8 : 7 = ? dư ?;  8: 4 = ? ; 8 : 8 = ?  b) Hãy chỉ ra các ước của 8  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS hoạt động đôi sau đó rút ra nhận xét.  + GV: Quan sát và trợ giúp các em.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Đổi bài nhóm kiểm tra chéo  + Các học sinh khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác nhận xét  GV: Yêu cầu HS trả lời hai câu hỏi sau:  Từ bài 6 để tìm các ước của 8 ta có thể làm như thế nào?  Vậy để tìm ước của một số tự nhiên lớn hơn 1 ta làm như thế nào?  HS: Trả lời  GV: Lưu ý cho HS:  + Số 1 là ước của bất kỳ số tự nhiên nào  + Số 0 là bội của mọi số tự nhiên khác 0  + Số 0 không là ước của bất kỳ số nào.  + Bội là tập hợp vô số phần tử. Ước là tập hợp có số phần tử giới hạn. | **2. Cách tìm bội và ước của một số**  \* a chia hết cho b là: a b thì:  a là bội của b, b là ước của a  **Ví dụ 1:**  **Các bội nhỏ hơn 60 của 9 là**  0;9;18;27;36;45;54  **\*Cách tìm các bội của một số**  Để tìm các bội của n ta cố thể lần lượt nhân n với các số 0;1;2;3;… Khi đó các kết quả nhận được đều là bội của n.  **?2( SGK/31)**  **Ví dụ 2:** Tập hợpcác ước của 8 là: {1 ; 2 ; 4 ; 8}  **\* Các tìm ước của một số:**  (SGK / 31) |

**Hoạt động 3: Tính chất chia hết**

**a) Mục tiêu:**

- HS hình thành tính chất chia hết của một tổng, một hiệu, tích

**b) Nội dung:**

- HS quan sát SGK, chú ý lắng nghe và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, thực hiện trao đổi, thảo luận hoàn thành ***Hoạt động 4*** vào bảng nhóm.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, GV nhận xét kết quả mỗi nhóm, dẫn dắt cho HS thấy: ***Nếu a, b cùng chia hết cho m thì tổng a+b cũng chia hết cho m.***  - GV cho 2 -3 HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.  - GV chú ý cho HS phần kiến thức bổ sung ở khung lưu ý:  + GV hướng dẫn HS dùng kí hiệu để mô tả tính chất vừa nêu:  Nếu a m và b m thì (a+b) m;  + Ngoài ra, HS cần nhớ: Nếu a : m và b : m thì (a+b) : m = a.m + b.m;  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS đọc hiểu, sau đó hoàn thành Ví dụ 5 vào vở để củng cố trực tiếp tính chất chia hết của một tổng. (GV hướng dẫn HS kiểm tra từng số hạng trong phép cộng có chia hết số đã cho hay không rồi dùng tính chất chia hết của một tổng để kết luận mà không cần tính tổng).  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành ***Luyện tập 4*** vào vở.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, thực hiện trao đổi, thảo luận hoàn thành ***Hoạt động 5*** vào bảng nhóm.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, GV nhận xét kết quả mỗi nhóm, dẫn dắt cho HS thấy: ***Nếu a, b cùng chia hết cho m thì tổng a-b cũng chia hết cho m.***  - GV cho 2 -3 HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.  - GV chú ý cho HS phần kiến thức bổ sung ở khung lưu ý:  + GV hướng dẫn HS dùng kí hiệu để mô tả tính chất vừa nêu:  Nếu a m và b m thì (a-b) m;  + Ngoài ra, HS cần nhớ: Nếu a : m và b : m thì (a-b) : m = a.m - b.m;  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS đọc hiểu, sau đó hoàn thành Ví dụ 6 vào vở để củng cố trực tiếp tính chất chia hết của một hiệu. (GV hướng dẫn HS kiểm tra từng số bị trừ và số trừ trong phép trừ có chia hết số đã cho hay không rồi dùng tính chất chia hết của một một hiệu để kết luận mà không cần tính hiệu).  - GV yêu cầu HS áp dụng hoàn thành ***Luyện tập 5*** vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: giơ tay phát biểu trình bày tại chỗ và trình bày bảng.  - Các HS khác hoàn thành vở, chú ý nghe và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa bài, lưu ý cho HS những lỗi sai, tổng quát, nhấn mạnh lại kiến thức trọng tâm và gọi một HS nhắc lại. | **II. Tính chất chia hết**  **1. Tính chất chia hết của một tổng**  ***Hoạt động 4:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **m** | **Số a chia hết cho m** | **Số b chia hết cho m** | **Thực hiện phép chia ( a + b) cho m** | | **5** | **95** | **55** | **(95+55) : 5 = 30** | | **6** | **12** | **30** | **( 12 + 30) : 6 = 7** | | **9** | **18** | **54** | **(18 + 54) : 9 = 8** |   Kết luận:  ***Nếu tất cả các số hạng của tổng đều chia hết cho cùng một số thì tổng chia hết cho số đó.***  \* Lưu ý:  Nếu a m và b m thì ( a + b) m;  Khi đó ta có:  (a + b) : m = a : m + b : m  ***Hoạt động 4:***  A =1930 + 1945 + 1975  Có 1930 5  1945 5  1975 5  => A = (1930 + 1945 + 1975) 5.  **2. Tính chất chia hết của một hiệu**  ***Hoạt động 5:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **m** | **Số a chia hết cho m** | **Số b chia hết cho m** | **Thực hiện phép chia ( a - b) cho m** | | 7 | 49 | 21 | (49 - 21) : 7 = 4 | | 8 | 40 | 16 | ( 40 - 16) : 8 = 3 | | 11 | 132 | 88 | (132 - 88) : 11 = 4 |   Kết luận:  ***Nếu số bị trừ và số trừ đều chia hết cho cùng một số thì hiệu chia hết cho số đó.***  \* Lưu ý:  Với a b:  Nếu a m và b m thì (a – b) m.  Khi đó ta có (a – b) : m = a : m - b : m  ***Luyện tập 5:***  A = 2020 - 1820  Có 2020 20  1820 20  => A = (2020 - 1820) 20 |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, thực hiện trao đổi, thảo luận hoàn thành ***Hoạt động 5*** vào bảng nhóm.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, GV nhận xét kết quả mỗi nhóm, dẫn dắt cho HS thấy: Nếu a chia hết cho m thì tích a .b cũng chia hết cho m.  - GV mời một vài HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.  - GV chú ý cho HS phần kiến thức bổ sung ở khung lưu ý: GV hướng dẫn HS dùng kí hiệu để mô tả tính chất vừa nêu:  ***Nếu a m và b m thì (a.b) m với mọi số tự nhiên.***  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS đọc hiểu, sau đó hoàn thành Ví dụ 7 vào vở để củng cố trực tiếp tính chất chia hết của một tích. (GV hướng dẫn HS chỉ cần kiểm tra một thừa số trong tích có chia hết số đã cho hay không rồi dùng tính chất chia hết của một một tích để kết luận mà không cần tính tích).  - GV yêu cầu HS hoàn thành ***Luyện tập 6*** vào vở nhằm giúp HS luyện tập tổng hợp tính chất chia hết của một tổng, một  hiệu, một tích.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS: giơ tay phát biểu trình bày tại chỗ và trình bày bảng.  - Các HS khác hoàn thành vở, chú ý nghe và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chữa bài, lưu ý cho HS những lỗi sai, tổng quát, nhấn mạnh lại kiến thức trọng tâm và gọi 1-2 HS nhắc lại. | **3. Tính chất chia hết của một tích:**  ***Hoạt động 6:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **m** | **Số a chia hết cho m** | **Số b tùy ý** | **Thực hiện phép chia ( a.b) cho m** | | 9 | 36 | 2 | (36.2) : 9 = 8 | | 10 | 100 | 30 | ( 100.30) : 10 = 300 | | 15 | 30 | 60 | (30.60) : 15 = 120 |   Kết luận:  ***Nếu một thừa số của tích chia hết cho một số thì tích chia hết cho số đó.***  \* Lưu ý:  Nếu a m thì (a.b m với mọi số tự nhiên b.  Ví dụ 7:  a) A = 49 . 2021  Ta có: 49  **7 =>** A = 49 . 2021 **7.**  b) B = 99 999 . 65  Ta có: 65 13  => B = 99 999 . 65 13  ***Luyện tập 6:***  A = 36. 234 + 217. 24 – 54.13  Có 36 6 => 36. 234 6  24 6 => 217 . 24 6  54 6 => 54.13 6  => A = 36. 234 + 217. 24 – 54.13 6 |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a) Mục đích:** HS trình bày được cách tìm ước và bội của một số.

**b) Nội dung:** HS làm bài 1, bài 2, Bài 3, Bài 5

**c) Sản phẩm: +** Xác định được số nào là ước, số nào là bội.

+ Luyện tập củng cố về quan hệ chia hết

+ Kết quả hoạt động của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hs làm bài tập 1,2,3,5/sgk; 60/sbt  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân 1,2,3,5  Hoạt động nhóm bài 60/sbt  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Hs trả lời nhanh bài 1,2,5  HS định hướng phương pháp giả và lên bảng thực hiện bài 3  Đại diện nhóm trình bài bài 60  HS khác nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định’**  GV chốt lại kiến thức  + Cách tìm ước, bội của một số  +Hiểu được tính chất chia hết của một tổng( hiệu) | **Bài 1 :**  a) m = 15  Bốn bội số của 15 là : 0; 15; 30; 45.  b) m = 30;  Bốn bội của 30 là: 30; 60; 90; 150  c) m = 100.  Bốn bội của 100 là: 400; 500; 700; 800.  **Bài 2:**  a) n = 13;  Các ước của 13 là: 1; 13.  b) n = 20;  Các ước của 20 là: 1; 2; 4; 5; 10;  20.  c) n = 26.  Các ước của 26 là: 1; 2; 13; 26.  **Bài 3:**  Các bội của 9 là: 0; 9; 18; 27; 36; 45…  Mà 20 < x < 40  Vậy x = 27 hoặc x = 36.  **Bài 5 :**  a) m 4 và n 4 thì m + n chia hết cho : **D. 2**  b) Nếu m 6 và n 2 thì m + n chia hết cho : **D. 2**  **Bài 60/sbt**  Có 13  13; 133  13; 177.135  13  12 Không chia hết cho 13  Nên 13 +133+177.135 -12 không chia hết cho 13. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng các kiến thức về ước, bội của một số, tính chất chia hêt của một tổng để giải các bài toán thực tế

**b) Nội dung:** BT 4,6,8,9/sgk

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hs làm bài tập 4,6,8,9/sgk

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS hoạt động cá nhân thảo luận chung bài 4

HS hoạt động nhóm bàn bài 8,9

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

Hs trả lời nhanh bài 4

Đại diện nhóm lên thuyết trình bài giải 8,9

HS các nhóm nhận xét và đặt các câu hỏi ( nếu có)

**Bước 4: Kết luận, nhận định’**

GV chốt lại kiến thức

**Kết quả :**

**Bài 4 :**

Ta có: Các ước của 24 là: 1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24

Vậy cô có thể chia đội thành:

+ 12 nhóm mỗi nhóm có 2 bạn;

+ 8 nhóm mõi nhóm có 3 bạn;

+ 6 nhóm mỗi nhóm có 4 bạn;

+ 4 nhóm mỗi nhóm có 6 bạn;

+ 3 nhóm mỗi nhóm có 8 bạn

**Bài 8 :**

Gọi m là số lần nướng bằng khay thứ nhất, n là số lần nướng bằng khay thứ hai.

Số bánh được nướng bằng khay thứ nhất là 3.m nên chia hết cho 3

Số bánh được nướng bằng khay thứ hai là 6.n nên chia hết cho 3

Tổng số bánh bán được là 3m+6n chia hết cho 3 (Tính chất chia hết của một tổng). Nhưng 125 không chia hết cho 3

 => Người bán hàng đã đếm sai số bánh

Bài 9/sgk

+) Ban đầu mỗi thuyền chở 5 khách du lịch => Tổng số khách phải chia hết cho 5.

+) Một số khách rời đi bằng loại thuyền chở 10 khách du lịch.

=> Số khách rời đi chia hết cho 10 => Số khách rời đi cũng chia hết cho 5.

=> Số khách còn lại = số khách ban đầu - số khách rời đi cũng phải chia hết cho 5 (theo tính chất chia hết của một hiệu)

Mà 21 không chia hết cho 5.

=> Kết quả kiểm đếm là sai.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn lại trong 58.59,61/sbt/25

- Tìm hiểu lại các dấu hiệu chia hết cho 2, 5 đã học, chuẩn bị các hoạt động 1,2 chỉ ra dấu hiệu chia hết cho 2 cho 5.